

Số: 13 /2019/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 01 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Vụ pháp chế*);
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VBQPPL*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, NNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**

**QUY ĐỊNH**

**Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cấm mốc  
chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ  
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quy định này không áp dụng đối với các công trình thủy lợi được quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 40 của Luật Thủy lợi và công trình thủy lợi được quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 19 và khoản 2 đến khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3. Giải thích một số từ ngữ**

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường bao công trình* là giao tuyến giữa công trình thủy lợi hoặc hạng mục công trình và mặt đất tự nhiên.

2. *Vùng phụ cận* là diện tích đất (liền kề) ngoài đường bao công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

3. *Đập dâng* là công trình được xây dựng ngăn sông, suối để dâng nước (không tạo hồ chứa nước).

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi được quy định như sau:

1. Đối với đập dâng, phạm vi vùng phụ cận được tính từ đường bao công trình trở ra là 10m.

2. Đối với công trình tràn xả lũ của hồ chứa, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao điểm của chân mái ngoài của tràn với mặt đất tự nhiên trở ra là 5m.

3. Vùng phụ cận của kênh được xác định như sau:

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài bờ kênh với mặt đất tự nhiên trở ra  $0,5\text{m}$  đối với kênh đất và kênh kiên cố;

b) Kênh có lưu lượng từ  $0,5\text{m}^3/\text{s}$  đến dưới  $02\text{m}^3/\text{s}$  phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài bờ kênh với mặt đất tự nhiên trở ra từ  $0,5\text{m}$  đến  $02\text{m}$  đối với kênh đất; từ  $0,5\text{m}$  đến  $1,5\text{m}$  đối với kênh kiên cố.

4. Phạm vi bảo vệ hạng mục chôn chìm (đường ống, xi phông...), cầu máng được tính từ đường bao của hạng mục công trình ra các phía là  $2,0\text{m}$ .

5. Trạm bơm:

a) Đối với trạm bơm có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ trở vào. Trường hợp nền hàng rào là đất đắp thì tính từ chân mái đắp trở vào.

b) Đối với trạm bơm không có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

6. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại Điều này; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

### **Điều 5. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thủy lợi và Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

### **Điều 6. Khoảng cách mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Khoảng cách các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập:

Đối với đập của hồ chứa nước có dung tích nhỏ hơn  $500.000\text{m}^3$  hoặc đập có chiều cao nhỏ hơn  $10\text{m}$  và đập quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là  $50\text{m}$  (trường hợp đập gần khu đô thị, dân cư tập trung khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là  $20\text{m}$ ).

2. Khoảng cách các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ chứa nước

Đối với lòng hồ chứa nước có dung tích nhỏ hơn  $500.000\text{m}^3$ , khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ  $100\text{m}$  đến  $300\text{m}$  và tại các điểm chuyển hướng; khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ  $500\text{m}$  đến  $1.000\text{m}$  và tại các điểm chuyển hướng.

3. Khoảng cách các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ kênh

Đối với kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $05m^3/s$ , khoảng cách hai mốc liền nhau từ 100m đến 200m; trường hợp kênh ở khu vực đô thị, khu dân cư tập trung khoảng cách hai mốc liền nhau từ 50m đến 100m. Tại các điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

4. Đối với công trình quy định tại khoản 2, Điều 4 của quy định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50m. Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.

5. Đối với các công trình quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 4 của quy định này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 20m đến 50m. Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Quy định chuyển tiếp**

1. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô hoặc thay đổi kết cấu.

2. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi phải thực hiện các giải pháp khắc phục; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch và thực hiện việc dỡ bỏ hoặc di dời công trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi các quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện Quy định này và các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác có liên quan.

c) Theo dõi, kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ các công trình thủy lợi, tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương quản lý theo quy định; tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

d) Thẩm định, trình phê duyệt và theo dõi việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ các công trình thủy lợi của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình thủy lợi:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý công trình, tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và quy định này để biết, thi hành;

b) Chỉ đạo, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa;

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương mình quản lý;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Công an tỉnh:

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của ngành phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi để xử lý, giải quyết các hoạt động vi phạm có liên quan đến hành vi vi phạm công trình thủy lợi.

4. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phương án cấm mốc chỉ giới theo quy định hiện hành.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**